

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THỊ XÃ CỬA LÒ
TỈNH NGHỆ AN
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2022/HS-ST

Ngày: 28/07/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CỬA LÒ, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng S

2. Bà Phùng Thị Quỳnh Hòe

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Phùng Tiến Chương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2022/TLST-HS, ngày 08 tháng 06 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 07 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Văn S, sinh ngày 22 tháng 08 năm 1994. Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: Không

Nơi ĐKKHKT: Xóm M, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An

Nơi ở hiện tại: Xóm V, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Thợ sửa chữa điện lạnh. Trình độ học vấn: 12/12

Con ông Trần Văn H, sinh năm 1964 và bà Phạm Thị V, sinh năm 1962.

Anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ 03.

Vợ: Thái Thị U, sinh năm 1996.

Con: Trần Khánh H, sinh năm 2021.

Tiền án; tiền sự, nhân thân: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 31/3/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Cửa Lò. Có mặt.

- Người bào chữa của bị cáo: Luật sư Thái Bình D, sinh năm 1982 – Luật sư Văn phòng Luật sư L. Có mặt

Địa chỉ: Lô 11, khu quy hoạch Đ, Nam đường N, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Bị hại:

+. Ông Nguyễn Tài S, sinh năm 1972. Vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975. Vắng mặt

Đều trú tại: Khối H, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:

Luật sư Nguyễn Vinh D – Có mặt. Luật sư Hồ Thị Lan H – Vắng mặt - Văn phòng luật sư V & Cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ: Phòng 301, Tòa nhà Y, Số 09A, đường N, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Tài P, sinh năm 1995. Vắng mặt

Trú tại: Khối H, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An

+ Chị Thái Thị U, sinh năm 1996. Có mặt

Nơi ĐKKHKT: Xóm M, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An

Nơi ở hiện tại: Xóm V, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 10/02/2022 đến 12/03/2022, tại phòng kế toán kho đông lạnh S của gia đình ông Nguyễn Tài S, bà Nguyễn Thị H tại khối H, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An, lợi dụng sơ hở của vợ chồng ông Nguyễn Tài S trong việc quản lý tài sản, bị cáo Trần Văn S đã thực hiện 07 lần trộm cắp tài sản là tiền Việt Nam đồng. Tổng số tiền bị cáo Trần Văn S chiếm đoạt của vợ chồng ông Nguyễn Tài S là 25.450.000 đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn S khai nhận về hành vi phạm tội như sau: Khoảng đầu tháng 02 năm 2020, bị cáo được ông Nguyễn Tài S - Chủ kho đông lạnh S thuê sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống máy móc tại kho đông lạnh của mình. Do nhu cầu công việc, bị cáo được bố trí phòng ngủ tại nơi làm việc để nghỉ ngơi. Trong thời gian làm việc tại kho đông lạnh, ông Nguyễn Tài S đã nhờ bị cáo cắt hộ một ô trên kết sắt đặt ở phòng kế toán. Số tiền thu được từ hoạt động bán hàng, ông Nguyễn Tài S thường bỏ lại một ít trong kết sắt, đóng cửa lại và không rút chìa khóa. Lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của vợ chồng ông Nguyễn Tài S, từ tháng 02 năm 2022 đến tháng 3 năm 2022, bị cáo Trần Văn S đã 07 lần thực hiện hành vi lấy trộm tiền trong kết sắt này. Các lần thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đều thực hiện bằng cách: Khi gia đình ông Nguyễn Tài S tắt đèn ở phòng khách, bị cáo đi từ phòng ngủ của mình đến khu vực đặt hệ thống đầu thu camera giám sát phòng kế toán và tắt nguồn điện các thiết bị này. Sau đó bị cáo đi đến kết sắt để lấy trộm tiền. Nếu kết sắt đóng cửa thì bị cáo dùng tay trái mở khóa kết sắt đã cắm sẵn trong ổ khóa, tay phải cầm nắm cửa kết sắt kéo ra sau đó dùng điện thoại bật màn hình chiếu sáng

để lấy tiền. Trường hợp thấy tiền ở mép cửa kết sắt thì bị cáo lấy tiền mà không phải mở cửa kết sắt. Sau khi lấy trộm được tiền, bị cáo bật lại điện hệ thống đầu thu camera giám sát rồi trở về phòng ngủ để cất dấu tài sản. Tổng số tiền Trần Văn S lấy trộm từ tháng 02 năm 2022 đến tháng 3 năm 2022 là 25.450.000đ (Hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 21 giờ 07 phút ngày 10/02/2022, Trần Văn S lấy trộm số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Lần thứ hai: Vào khoảng 21 giờ 54 phút ngày 11/02/2022, Trần Văn S lấy trộm số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng).

Lần thứ ba: Vào khoảng 21 giờ 43 phút ngày 28/02/2022, Trần Văn S lấy trộm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Lần thứ tư: Vào khoảng 22 giờ 15 phút ngày 05/3/2022, Trần Văn S lấy trộm số tiền 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Lần thứ năm: Vào khoảng 21 giờ 38 phút ngày 11/3/2022, Trần Văn S lấy trộm số tiền 1.550.000 đồng (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Lần thứ sáu: Vào khoảng 21 giờ 34 phút ngày 12/3/2022, Trần Văn S lấy trộm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Lần thứ bảy: Khoảng 21 giờ 47 phút ngày 12/3/2022, Trần Văn S lấy trộm số tiền 17.700.000 đồng (Mười bảy triệu bảy trăm nghìn đồng).

Số tiền lấy trộm được, Trần Văn S phục vụ vào chi tiêu cá nhân. Trong đó ngày 13/03/2022, bị cáo nhờ một người đàn ông không quen biết ở khu vực ngã tư thị trấn D, huyện D chuyển số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) cho Trương Minh Đ (không rõ địa chỉ) qua hình thức chuyển tiền bằng ví MOMO để Trương Minh Đ trả tiền viện phí cho hai người tên là M và L ở tỉnh L; trong số tiền này có 19.550.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền Trần Văn S lấy trộm tại kết sắt ở kho đông lạnh S.

Tại bản cáo trạng số 18/CT – VKS - CL ngày 06/06/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Trần Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò giữ quyền công tố và luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 173, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1, Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn S từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù. Phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền đã chiếm đoạt là 25.450.000 đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro max màu xanh 128G, số imei 355565705921560 và 355565705774555, có gắn sim 0973114843; một điện thoại Oppo F11 màu đen, số imei 869874044478236 và

869874044478228, có gắn sim 0944809606 là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu, sung quỹ nhà nước.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Văn S nhận tội, đồng ý với nội dung bản cáo trạng, luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có tranh luận gì và xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa của bị cáo cho rằng: Việc Viện kiểm sát không áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 cho bị cáo là thiếu sót; mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là quá nặng; Việc đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là không phù hợp vì bị cáo phải đi chấp hành án phạt tù, vợ không có việc làm ổn định, con còn nhỏ, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cho rằng: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, không có ý kiến gì về tội danh, hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, số tiền bị hại bị mất khoảng 05 tỷ đồng, không phải 25.450.000 đồng như lời khai của bị cáo và kết luận của cáo trạng. Bị cáo khai báo không thành khẩn, không phải đầu thú. Đề nghị làm rõ nguồn tiền mua đất, lời khai mâu thuẫn về nguồn tiền mua đất của vợ chồng bị cáo; nguồn tiền bị cáo chuyển cho vợ và nguồn tiền giao dịch trong tài khoản ngân hàng của bị cáo. Đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bị hại không có bất kỳ khiếu nại gì về thiệt hại được cơ quan tố tụng xác định. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và được Hội đồng xét xử sử dụng làm chứng cứ để giải quyết vụ án.

[2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa hình sự lần 1, lần 2 nhưng đều vắng mặt. Tuy nhiên, tại hồ sơ đã có đầy đủ lời khai của họ; xét thấy sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về việc bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cho rằng số tiền bị hại bị mất khoảng 05 tỷ đồng, không phải 25.450.000 đồng như lời khai của bị cáo, kết luận của cáo trạng nhưng suốt quá trình tố tụng bị hại

không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ hợp pháp chứng minh số tiền bị mất khoảng 05 tỷ đồng. Phiên tòa lần một, lần hai bị hại đều không có mặt để cung cấp các thông tin, căn cứ xác định thiệt hại. Hơn nữa, tại đơn trình báo ban đầu và quá trình làm việc với cơ quan điều tra, bị hại đều khai báo bị mất số tiền 62.000.000 đồng. Bị hại khẳng định là hộ kinh doanh gia đình, số tiền trong két là tiền hàng nên khoảng vài ngày bị hại kiểm tra, kiểm kê một lần. Việc bị hại căn cứ vào số tài sản mà vợ chồng bị cáo mua sắm được trong thời gian làm việc tại kho đông lạnh S (01 mảnh đất trị giá 1.430.000.000 đồng, 01 xe SH trị giá 78.000.000 đồng và 02 điện thoại trị giá 58.000.000 đồng) để cho rằng bị cáo lấy trộm của bị hại khoảng 05 tỷ đồng là không có căn cứ pháp lý. Tại hồ sơ và tại phiên tòa, bị cáo, vợ bị cáo đều khẳng định số tiền mua đất – là tài sản lớn nhất – từ nguồn tiền hai vợ chồng tích góp được trước, trong hôn nhân và vay mượn của anh chị em trong gia đình. Bị cáo làm nghề sửa chữa điện lạnh nhận làm việc cho nhiều người, nhiều nơi trong và ngoài tỉnh, không phải chỉ làm cho kho đông lạnh S nên nguồn thu nhập ổn định. Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt, Hội đồng xét xử yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cung cấp các chứng cứ pháp lý về sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo thuế hợp lệ để chứng minh nguồn hàng vào ra, doanh số ... để xác định thiệt hại nhưng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không cung cấp. Các giao dịch trong tài khoản ngân hàng của bị cáo với những cá nhân khác là những giao dịch dân sự, không phải đăng ký, khai báo theo quy định, do đó việc căn cứ vào các giao dịch trong tài khoản ngân hàng của bị cáo để cho rằng số tiền giao dịch có liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản của bị hại trong vụ án là không phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, việc đề nghị trả hồ sơ để điều tra bổ sung của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không có căn cứ để chấp nhận. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đủ cơ sở để xác định bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải; đầu thú.

[4] Về đề nghị áp dụng tình tiết “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự của người bào chữa đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo Trần Văn S phạm tội nhiều lần, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp “*Chưa bị kết án, chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nay bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong cùng lần phạm tội sau*”, do đó không có căn cứ áp dụng tình tiết “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” đối với bị cáo.

[5] Về hành vi của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác, đủ cơ sở để kết luận: Do có mối quan hệ quen biết từ trước và do nhu cầu công việc nên quá trình sửa chữa, bảo dưỡng kho đông lạnh S, vợ chồng ông Nguyễn Tài S đã cho bị cáo nghỉ tại kho đông lạnh S. Lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản là tiền để trong két sắt tại phòng kế toán – kho đông lạnh S, trong thời gian từ

ngày 10/02/2022 đến 12/3/2022, bị cáo đã thực hiện 07 lần trộm cắp tài sản là tiền Việt Nam đồng. Tổng số tiền bị cáo Trần Văn S chiếm đoạt của gia đình ông Nguyễn Tài S là 25.450.000 đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo Trần Văn S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 25.450.000 đồng, do đó Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[6]. Xét tính chất vụ án: Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Cách thức thực hiện hành vi khá tinh vi, coi thường pháp luật, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[7]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo trong vụ án:

Tại thời điểm phạm tội bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS và có nhiều tình tiết giảm nhẹ là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại; bà nội là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, bà cố nội là Bà mẹ Việt Nam anh hùng; sau khi phạm tội đã đầu thú. Các tình tiết giảm nhẹ này quy định tại các điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, đã bồi thường cho bị hại. Đánh giá toàn diện vụ án, căn cứ vào nguyên tắc xử lý người phạm tội quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 BLHS và mục đích của hình phạt cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù 06 tháng tù đến 09 tháng tù là thỏa đáng và đúng mức, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo tốt, sớm trở về với gia đình và xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Để đảm bảo tính răn đe, cần phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng – 10.000.000 đồng như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[9] Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 25.450.000 đồng chiếm đoạt của bị hại nhưng được khấu trừ vào số tiền 25.450.000 đồng bị cáo thông qua gia đình đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò theo biên lai số 0000754 ngày 09/06/2022.

[10] Đối với Trương Minh Đ, Lộc và Minh, là những người bị cáo S quen biết trong quá trình làm việc tại Hà Nội nhưng không biết cụ thể lý lịch nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Cửa Lò không có căn cứ để xác minh, xử lý là có căn cứ.

Đối với người đàn ông bị cáo S nhờ chuyển tiền qua ví MOMO ở khu vực ngã tư thị trấn D, huyện D, S không biết cụ thể lý lịch nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Cửa Lò không có căn cứ để xác minh, xử lý là có căn cứ.

[11] Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro max màu xanh 128G, số imei 355565705921560 và 355565705774555, có gắn sim 0973114843; một điện thoại Oppo F11 màu đen, số imei 869874044478236 và 869874044478228, có gắn sim 0944809606 thuộc sở hữu của bị cáo - là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng để phạm tội cần tịch thu, sung quỹ nhà nước.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”

2. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn S 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (Ngày 31/03/2022).

Phạt bổ sung bị cáo Trần Văn S 5.000.000đ (Năm triệu đồng)

3. Về dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn S phải bồi thường cho ông Nguyễn Tài S và bà Nguyễn Thị H số tiền đã chiếm đoạt là 25.450.000đ (Hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 25.450.000đ (Hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò theo biên lai số 0000754 ngày 09 tháng 06 năm 2022.

Ông Nguyễn Tài S và bà Nguyễn Thị H được nhận số tiền bồi thường 25.450.000đ (Hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) của bị cáo Trần Văn S đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò theo biên lai số 0000754 ngày 09 tháng 06 năm 2022.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng: Tịch thu, sung quỹ nhà nước 02 điện thoại của bị cáo Trần Văn S gồm:

- 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro max màu xanh 128G, số imei 355565705921560 và 355565705774555, có gắn sim 0973114843 (Đã qua sử dụng);

- 01 điện thoại Oppo F11 màu đen, số imei 869874044478236 và 869874044478228, có gắn sim 0944809606 (Đã qua sử dụng – Màn hình bị rạn nứt)

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/06/2022.)

5. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Văn S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND thị xã Cửa Lò;
- Chi Cục THADS thị xã Cửa Lò;
- CQ Cảnh sát điều tra thị xã Cửa Lò;
- Bị cáo, bị hại; NCQLNVLQ
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Khánh